

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 592/2026/DS-PT
Ngày 30/3/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 3 và ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 324/2026/TLPT-DS ngày 28/01/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 311/2025/DS-ST ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1402/2026/QĐXX-PT ngày 09/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Văn S, sinh năm 2000; địa chỉ: Số A đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số G đường số C, khu nhà ở thương mại Đ, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phùng Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2025, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn, ông Phùng Văn S trình bày:

Ông Phùng Văn S là cháu bà Nguyễn Thị T, gọi bà T là mẹ. Năm 2019, ông S vào tỉnh Bình Dương để học nghề và sinh sống cùng gia đình bà T ở phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tháng 12/2021, ông S làm việc tại Công ty B đến khoảng tháng 10/2022 thì nghỉ. Hàng tháng, ông S có nhận tiền

hoa hồng từ công ty. Bà T có đề xuất chuyển tiền qua để bà T giữ giùm nên ông S có gửi lại cho bà Nguyễn Thị T giữ giúp, cụ thể: ngày 18/5/2022, ông S gửi bà T 100.000.000 đồng; ngày 09/6/2022 gửi 116.000.000 đồng; ngày 11/7/2022 gửi 125.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, nhưng không ghi nội dung chuyển khoản. Sau đó, ông S làm không được nhiều tiền nên không gửi nữa. Việc gửi giữ này không lập thành văn bản, ông S chỉ trao đổi với bà T bằng lời nói. Sau đó, ông S có gọi điện thoại cho bà T để yêu cầu bà T trả lại tiền, nhưng bà T không trả.

Nội dung tin nhắn trao đổi trên điện thoại giữa bà T và mẹ của ông S là bà Nguyễn Thị M vào ngày 02/10/2022 có xác nhận “*em giữ 300tr mà gần hết rồi đó chị*” thể hiện bà T có giữ tiền của ông S. Thời điểm ông S chuyển khoản cho bà T có bà Lưu Thị T1 chứng kiến.

Nay, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết: bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông S số tiền gốc là 341.000.000 đồng và khoản lãi tính từ ngày 01/02/2023 đến ngày 27/10/2025 với lãi suất là 12%/ năm, tổng số tiền lãi là 109.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà bà T phải trả cho ông S là: 450.000.000đ, ông S không yêu cầu tính lãi sau khi xét xử.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2025, quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Ông Phùng Văn S là cháu chồng của bà Nguyễn Thị T. Ông S vào miền N làm việc có ở chung nhà với bà T, đến năm 2023 thì ông S không ở chung nữa. Về yêu cầu khởi kiện của ông S, bà T không đồng ý vì bà T không vay mượn tiền hay giữ tiền giùm cho ông S. Trong quá trình ông S sinh sống tại nhà, bà T có giới thiệu ông S cùng làm chung nhóm bán bảo hiểm cho Công ty B và cùng làm chung nhóm tư vấn khách hàng. Các thành viên tư vấn sẽ được hưởng hoa hồng trên giá trị hợp đồng bán cho khách. Nhóm thành viên tư vấn bán bảo hiểm thỏa thuận để ông S đứng tên những hợp đồng do thành viên khác tư vấn, nhưng khi có hoa hồng thì ông S phải trả hoa hồng lại cho bà T và các thành viên khác. Số tiền ông S chuyển cho bà T là tiền Công ty B chi trả hoa hồng cho các đồng nghiệp làm chung nên khi có lương ông S phải hoàn trả cho bà T và những người khác. Vì vậy, mới có nội dung tin nhắn bà T yêu cầu ông S phải chuyển khoản khi có lương. Do thời gian làm việc đã lâu nên bà T không cung cấp được số tiền hoa hồng cụ thể của từng đồng nghiệp và số đồng nghiệp cùng làm chung nhóm.

Đối với nội dung tin nhắn giữ tiền của ông S mà bà T trao đổi với bà Nguyễn Thị M (mẹ của ông S) “*em giữ 300tr mà gần hết rồi đó chị*” thì đây tiền “doanh nghiệp khách hàng” có nghĩa khoản tiền hoa hồng giữ lại để đảm bảo cho khách hàng nếu không xảy ra vấn đề gì thì mới hoàn trả lại cho ông S. Tuy nhiên, sau đó xảy ra nhiều trường hợp phải đền hợp đồng cho khách nên mới có nội dung bà T trao đổi với mẹ của ông S để nhờ mẹ S hỗ trợ thêm để hoàn trả cho khách. Thực tế, bà T đã chi trả những khoản sai phạm này cho ông S nên mới có những tin nhắn đòi tiền ông S phải chuyển khoản trả sau này.

- *Biên bản lấy lời khai ngày 22/9/2025 người làm chứng bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà Nguyễn Thị M là mẹ của ông Phùng Văn S, bà Nguyễn Thị T là em dâu. Ông S từ quê vào ở cùng với gia đình vợ chồng em trai bà M là ông Nguyễn Hữu T2 và bà Nguyễn Thị T, có làm ăn chung với bà T. Bà M được bà T kể qua điện thoại là ông S kiếm được tiền nên gửi cho bà T giữ giùm để khi nào lấy vợ thì có tiền mua đất cất nhà. Số tiền cụ thể ông S gửi cho bà T bao nhiêu tiền, gửi khi nào thì bà M không biết chỉ biết bà T giữ giúp 300 triệu đồng. Nội dung tin nhắn bà T nhắn cho bà M ngày 02/10/2022 có nội dung “*em giữ 300tr mà gần hết rồi đó chị*” nên bà M biết bà T có giữ tiền của ông S. Còn nội dung bà M gửi: “*Mợ lại khổ thêm với nó rồi thế nó có biết chuyện này không mợ làm cái gì mà liên quan đến tiền bạc không đùa được đâu mợ thôi chị cũng không biết làm sao mợ cố gắng giúp chị với nha*” chỉ nghe bà T kể ông S đi chơi trong miền N nên bà M gửi gắm ông S cho bà T trông chừng.

Bà M ở quê và không biết nội dung vụ việc chỉ nghe nói lại nên đề nghị Tòa án không triệu tập trong tất cả quá trình tố tụng.

- *Biên bản lấy lời khai ngày 22/9/2025 người làm chứng bà Lưu Thị T1 trình bày:* Bà Lưu Thị T1 là bà con xa với ông Phùng Văn S, bà Nguyễn Thị T. Bà T1, ông S và bà T có thời gian làm chung tại Công ty B. Bà T1 có chứng kiến ông S chuyển tiền cho bà T 2 lần ngay sau khi nhận lương, ngày nào thì bà T1 không nhớ (thường nhận lương là ngày 9 – 14 hàng tháng), số tiền bao nhiêu thì bà T1 không biết, địa điểm chuyển là tại nhà của bà T.

- *Biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2025 người làm chứng bà Hồ Thị Kim T3 trình bày:* Bà T3 và ông Phùng Văn S và bà Nguyễn Thị T là đồng nghiệp làm cùng Công ty B. Vào khoảng năm 2022, ông S là đại diện nhóm để đi ký hợp đồng với các khách hàng. Nhóm có thỏa thuận là toàn bộ lợi nhuận bao gồm hoa hồng và các khoản thưởng của công ty hằng tháng ông S phải gửi lại cho bà Nguyễn Thị T (là quản lý đại diện nhóm) để bà T chia lại cho cả nhóm. Sau đó, cả nhóm cũng ngưng không làm việc cùng với ông S nữa do ông S tư vấn sai làm ảnh hưởng đến cả nhóm phải đền nhiều hợp đồng. Về yêu cầu khởi kiện của S đối với bà T thì bà T3 không biết có gửi giữ hay vay mượn gì không.

- *Biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2025 người làm chứng bà Doãn Thị H trình bày:* Bà H và ông Phùng Văn S và bà Nguyễn Thị T là đồng nghiệp làm cùng Công ty B. Vào khoảng năm 2022, ông S là đại diện nhóm ký hợp đồng với các khách hàng. Nhóm có thỏa thuận là toàn bộ lợi nhuận bao gồm hoa hồng và các khoản thưởng của công ty hằng tháng chuyển vào tài khoản của ông S, sau đó ông S phải gửi lại cho bà Nguyễn Thị T (là quản lý đại diện nhóm) để bà T chia lại cho cả nhóm. Sau đó, cả nhóm cũng ngưng không làm việc cùng với ông S nữa do ông S tư vấn sai làm ảnh hưởng đến cả nhóm phải đền nhiều hợp đồng. Đối với số tiền 341.000.000 đồng, ông S đang khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà H không biết có sự vay mượn, giữ giùm gì hay không.

- *Biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2025 bà Nguyễn Thị Thúy V trình bày:* Bà V và bà Hồ Thị Kim T3, bà Lưu Thị T1, ông Phùng Văn S, ông Vũ Văn V1,

bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Phùng Duy M1, bà Nguyễn Thị Mỹ T4.. làm cùng nhóm tư vấn bảo hiểm cho khách hàng tại Công ty B vào năm 2022. Ông Phùng Văn S là đại diện nhóm để ký hợp đồng với các khách hàng. Nhóm có thỏa thuận là toàn bộ lợi nhuận bao gồm hoa hồng và các khoản thưởng của công ty hằng tháng, ông S phải gửi lại cho bà Nguyễn Thị T (là quản lý đại diện nhóm) để bà T chia lại cho cả nhóm. Khoảng tháng 8/2022, bà V cũng ngưng không làm việc cùng với ông S nữa do ông S tư vấn sai làm ảnh hưởng đến cả nhóm phải đền nhiều hợp đồng. Về yêu cầu khởi kiện của S đối với bà T thì bà V không biết có giữ hay vay mượn gì không.

- *Biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2025 ông Trịnh Văn H1 trình bày:* Ông H1 và bà Hồ Thị Kim T3, bà Lưu Thị T1, ông Phùng Văn S, ông Vũ Văn V1, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Phùng Duy M1, bà Nguyễn Thị Mỹ T4, bà Nguyễn Thị Thúy V.. làm cùng nhóm tư vấn bảo hiểm cho khách hàng tại Công ty B từ cuối tháng 12/2022 đến tháng 5 năm 2023 thì nghỉ. Việc ký hợp đồng là độc lập chứ không có việc cá nhân nào đứng tên giùm người khác. Quá trình làm việc, ông H1 có nghe ông S kể lại có gửi tiền cho bà T giữ giùm mấy năm, số tiền bao nhiêu thì ông H1 không rõ.

- *Văn bản đề ngày 30/10/2025 bà Đinh Thị T5 trình bày:* bà Đinh Thị T5 và bà Nguyễn Thị T, bà Hồ Thị Kim T3, bà Lưu Thị T1, ông Phùng Văn S, ông Vũ Văn V1, bà Đinh Thị T5, bà Doãn Thị H, bà Nguyễn Thị Thúy V, bà Phạm Phùng Duy M1...làm cùng nhóm tư vấn bảo hiểm cho khách hàng tại Công ty B vào năm 2022. Ông Phùng Văn S là đại diện nhóm của ký hợp đồng với khách hàng. Các khoản thưởng của công ty sẽ do đại diện là ông S nhận hoa hồng và sau đó chia lại cho các thành viên. Vì vậy, hàng tháng S phải gửi lại cho bà Nguyễn Thị T (là đại diện nhóm) để bà T chia lại cho các thành viên. Khoảng tháng 8/2022 bà Đinh Thị T5 đã ngưng làm việc cùng với ông S.

- *Văn bản đề ngày 31/10/2025 ông Nguyễn Văn T6 trình bày:* Ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T, Hồ Thị Kim T3, Lưu Thị T1, Phùng Văn S, Vũ Văn V1, Đinh Thị T5, Doãn Thị H, Nguyễn Thị Thúy V, bà Phạm Phùng Duy M1,... làm cùng nhóm tư vấn viên bảo hiểm cho khách hàng tại Công ty B vào năm 2022. Ông S là đại diện nhóm ký hợp đồng với các khách hàng và các khoản thưởng của công ty sẽ do đại diện nhóm là ông S nhận. Sau đó, ông S phải chuyển số tiền hoa hồng đó cho bà T để bà T chia cho cả nhóm vì bà T là trưởng nhóm, phân chia lại hoa hồng cho các thành viên trong nhóm. Khoảng tháng 8/2022 ông T6 cũng ngưng làm việc với ông S. Về việc giữa ông S và bà T, ông T6 không biết là giữ hay vay mượn gì không.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 311/2025/DS-ST ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 02/12/2025, nguyên đơn ông Phùng Văn S nộp đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phùng Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn kháng cáo nhưng không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh được yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”; bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Phùng Văn S kháng cáo trong thời hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự có mặt đầy đủ. Những người làm chứng đã có lời khai rõ ràng nên không cần thiết phải triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Theo bản sao kê của Ngân hàng thương mại cổ phần N (V2) và sự thừa nhận của các bên đương sự, có việc ông Phùng Văn S chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị T bằng hình thức chuyển khoản vào các ngày 18/5/2022, 09/6/2022 và 11/7/2022 với tổng số tiền: 341.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng có nhờ bà T giữ số tiền trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các bên là hợp đồng gửi giữ tài sản là đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được nêu trong đơn kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng.

[5] Hợp đồng gửi giữ tài sản được quy định tại Điều 554 Bộ luật dân sự 2015: *“Hợp đồng gửi giữ tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên giữ nhận tài sản của bên gửi để bảo quản và trả lại chính tài sản đó cho bên gửi khi hết thời hạn hợp đồng, bên gửi phải trả tiền công cho bên giữ, trừ trường hợp*

gửi giữ không phải trả tiền công”. Đối chiếu với quy định trên thì thấy rằng, bà Nguyễn Thị T không thừa nhận có giữ tiền giữ cho ông Phùng Văn S; ông Phùng Văn S không giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thỏa thuận với bà Nguyễn Thị T về việc giữ số tiền 341.000.000 đồng cho ông S. Trên các sao kê của VCB chỉ thể hiện có việc ông S chuyển tiền cho bà T nhiều lần mà không ghi nội dung chuyển tiền.

[6] Ngoài ra, trên các sao kê còn thể hiện có những khoản tiền ông S nhận tiền hoa hồng từ Công ty B; ngoài các lần chuyển khoản vào các ngày 18/5/2022, 09/6/2022 và 11/7/2022 với tổng số tiền: 341.000.000 đồng, còn có nhiều khoản tiền ông S chuyển cho bà T nhiều lần, trong thời gian dài; và có những khoản chuyển tiền cho những người cùng làm chung trong nhóm tư vấn bảo hiểm cho Công ty B. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S không giải thích được nội dung những lần chuyển tiền khác cho bà T và lý do vì sao không khởi kiện bà T để yêu cầu đòi lại hết các khoản tiền đã chuyển khoản mà chỉ yêu cầu đòi lại số tiền của 03 lần chuyển tiền như đã nêu trong đơn khởi kiện; không giải thích được số tiền đã chuyển cho các thành viên của nhóm tư vấn bán bảo hiểm và lý do không khởi kiện đòi những cá nhân này trả lại tiền, trong khi nội dung chuyển khoản của tất cả những lần chuyển tiền cho bà T và cho các cá nhân khác đều không ghi nội dung như nhau. Tình tiết này cho thấy, lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về việc ông S nhận tiền hoa hồng của Công ty B rồi chuyển lại cho bà T và cho các thành viên khác trong nhóm tư vấn bán bảo hiểm là có thật và cũng phù hợp với lời trình bày của những người cùng nhóm tư vấn bảo hiểm.

[7] Nội dung tin nhắn giữa bà Nguyễn Thị M (là mẹ của ông Phùng Văn S) với bà Nguyễn Thị T (là em dâu); tin nhắn giữa ông S và bà T có nội dung không rõ ràng, không có cơ sở vững chắc khẳng định có quan hệ gửi giữ tài sản, vì không thể hiện chính xác nội dung thỏa thuận giữa các bên (bên gửi và bên giữ) về việc gửi giữ tài sản, thời điểm gửi giữ và số tiền gửi giữ.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Văn S là không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Văn S; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39; Điều 148, Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 554, 555, 556, 557, 559 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Văn S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 311/2025/DS-ST ngày 26/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phùng Văn S phải chịu 22.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 10.860.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011088 ngày 25/8/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Phùng Văn S còn phải nộp 11.140.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phùng Văn S phải chịu án phí 300.000 đồng và được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045005 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GDKT 1);
- VKSND TP.HCM cơ sở 2;
- TAND khu vực 16 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA (12). (58)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Lực

